TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 24-3-2022
"V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Ông Nguyễn Văn Hoành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23-24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-DS ngày 02 ngày 11 tháng 2020, về "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Mộng V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 22 ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*:

1/ Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1973 (có mặt).

HKTT: ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở: Số 5A đường A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Trần Minh P (C), sinh năm 1979 (có mặt).

HKTT: ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở: Số 47/A, đường M, Khu phố BB, phường T, Quận G, TPHCM.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị Mộng H (G), sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Trần Minh T, sinh năm 1970 (có mặt).

HKTT: ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở: Số 14, đường H, Khu phố B, phường A, Quận B, TPHCM.

4/ Anh Trần Minh N, sinh năm 1994 (có mặt).

5/ Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

HKTT: ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở: ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Anh Trần Minh N đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Diễm T (văn bản ủy quyền số chứng thực 723 ngày 05/10/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2020, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mộng V trình bày: Mẹ của bà tên Văn Thị C có 05 người con là Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng H, Trần Minh P và Trần Thị Mộng T; khi còn sống mẹ có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, diện tích 111m^2, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 05/04/2017, mẹ bà mất không để lại di chúc và Trần Thị Mộng T, Trần Minh P sống chung mẹ là người trực quản lý, sử dụng di sản nhưng quá trình này bà nhận thấy các em có dấu hiệu chiếm tài sản nên đã yêu cầu Ủy ban thị trấn L giải quyết, tại buổi hòa giải bà chấp nhận thỏa thuận theo điều kiện của các em đưa ra nhưng vẫn hòa giải không thành, do đó bà khởi kiện Trần Thị Mộng T, Trần Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của mẹ là quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, diện tích 111m^2, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản tranh chấp đã được Tòa án tiến hành đo đạc, định giá, kết luận tài sản tranh chấp có giá trị là 2.200.000.000 đồng và căn nhà trên đất có giá 300.000.000 đồng. Đến nay bà giữ nguyên yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho 05 người đồng thừa kế gồm bà và các em Trần Minh T, Trần Thị Mộng H, Trần Minh P và Trần Thị Mộng T, mỗi người được nhận một kỷ phần theo hình thức bán tài sản chia bằng giá trị tương ứng, bà không nhận hiện vật.

Tại tờ tường trình ngày 25/01/2021, biên bản ghi lời khai ngày 05/02/2021, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày: Quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của mẹ tên Văn Thị C, bà có 05 người con gồm bà và các anh chị Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng H, Trần Minh P. Bà sống chung và chăm sóc mẹ,

trong quá trình này có cùng với anh Trần Minh T, em Trần Minh P sửa chữa, xây dựng lại căn nhà để mẹ sống và dưỡng bệnh. Sau khi mẹ mất, khoảng năm 2019-2020 bà tiếp tục sửa chữa lại căn nhà nên đây là tài sản của bà và hai người anh em là Trần Minh T, Trần Minh P. Theo yêu cầu của bà V, bà thống nhất chia thừa kế quyền sử dụng đất của mẹ cho năm anh chị em mỗi người được nhận một phần, bà không đồng ý nhận hiện vật và yêu cầu được trả giá trị tương ứng theo kết quả định giá đất 2.200.000.000 đồng, tài sản trên đất gồm nhà trước diện tích 94,6m^2 và nhà sau diện tích 38,7m^2 yêu cầu người nhận đất phải trả giá trị nhà hoặc bán tài sản thanh toán tiền theo giá định giá là 300.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy khai ngày 18/02/2021, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Minh P trình bày: Quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của mẹ, bà có 05 người con là ông, Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng H và Trần Thị Mộng T. Ông không chiếm tài sản mà chỉ mong muốn giữ tài sản làm nơi thờ cúng nhưng chị V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông đồng ý theo yêu cầu của chị V chia thừa kế cho 05 người, ông không nhận hiện vật nên yêu cầu được trả giá trị tương ứng theo kết quả định giá đất 2.200.000.000 đồng. Đối với căn nhà do ông, anh T và chị T sửa chữa, xây dựng lại là tài sản của cả ba nên thống nhất yêu cầu của T là người nhận đất phải trả giá trị nhà hoặc bán tài sản thanh toán tiền theo giá định giá là 300.000.000 đồng, riêng phần sở hữu của ông trong căn nhà là bao nhiêu sẽ tự thỏa thuận với chị T và anh T sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mộng H vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến tại biên bản lấy khai ngày 08/3/2021 và phiên họp ngày 29/4/2021, 05/01/2022: Nguyên nhân dẫn tới chị V khởi kiện là do T và P sửa nhà, hai người yêu cầu bà đứng ra trao đổi với chị V để chia phần cho chị V 100.000.000 đồng. Theo T số tiền này do T và P mỗi người trả ½ vì hai người đang thỏa thuận chia đôi phần đất thửa 37 nhưng khi trao đổi, P không đồng ý trả 50.000.000 đồng cho chị V. Đến khi T sửa nhà có kế hoạch chia phần đất làm 02, một bên 04 mét giao cho P và phần còn lại T lấy, chị V phát hiện sự việc nên đứng ra cản trở việc chia nhà và đất. Sau đó việc được UBND thị trấn L hòa giải, chị V đồng ý nhận 200.000.000 đồng và chia làm 04 lần nhận (06 tháng nhận 50.000.000 đồng) nhưng P và T cấm chị V đến nhà nên việc hòa giải không thành. Bà thống nhất yêu cầu của chị V chia thừa kế theo pháp luật phần đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng làm 05 phần, bà yêu cầu được nhận giá trị tương ứng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T trình bày: Quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của mẹ, bà có 05 người con gồm ông, Trần Thị Mộng V, Trần Minh P, Trần Thị Mộng H và Trần Thị Mộng T. Ông không chiếm tài sản của anh em, do chưa muốn bán di sản của mẹ trong giai đoạn này vì bà mới mất

nhưng chị V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông đồng ý theo yêu cầu của chị V chia thừa kế cho 05 người, ông không nhận hiện vật nên yêu cầu được trả giá trị tương ứng một phần thừa kế theo kết quả định giá đất 2.200.000.000 đồng. Đối với căn nhà do ông, P và T sửa chữa, xây dựng lại nên đây là tài sản của cả ba, ông thống nhất yêu cầu của T là người nhận đất phải trả giá trị nhà hoặc bán tài sản thanh toán tiền theo giá định giá là 300.000.000 đồng, riêng phần sở hữu của ông trong căn nhà là bao nhiêu sẽ tự thỏa thuận với T và P sau.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh N, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày: Ông có đóng góp sửa chữa nhà cùng với mẹ, thống nhất ý kiến mẹ về việc xử lý căn nhà, ông không có ý kiến và yêu cầu khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Văn Thị C để lại là quyền sử dụng đất thửa số 37, diện tích 111m^2, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị tạm tính là 440.000.000 đồng theo biên bản định giá ngày 05/01/2022. Giao cho bà Trần Thị Mộng T tiếp tục quản lý, sử dụng di sản thừa kế. Khi án có hiệu lực pháp luật, các đồng thừa kế có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thửa đất số 37, diện tích 111m^2 (diện tích thực đo 162,2m^2), tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền với đất, số tiền bán quyền sử dụng đất thửa số 37 được thanh toán theo tỷ lệ tương ứng các đồng thừa kế được hưởng kỷ phần. Tiền bán tài sản là căn nhà gắn liền với thửa đất số 37 được hoàn trả cho bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh P và ông Trần Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật dân sự là "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất". Nơi cư trú của bị đơn và bất động sản tranh chấp tọa lạc tại thị trấn L, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự trên đảm bảo quyền lợi cho đương sự còn lại.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Văn Thị C là quyền sử dụng đất thửa số 37, diện tích 111m^2 tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho 05 người đồng thừa kế gồm Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng H, Trần Minh P và Trần Thị

Mộng T, mỗi người được nhận một kỷ phần theo hình thức bán tài sản chia bằng giá trị tương ứng.

[3] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế: Cụ Văn Thị C mất ngày 05/04/2017, do đó thời điểm mở thừa kế là ngày 05/4/2017. Căn cứ bản khai tông chi, lời khai nhận của các đương sự có mặt tại phiên tòa và lời khai của bà H tại biên bản ngày 08/3/2021 (bl 54), cụ Văn Thị C sống với cụ Trần Văn B (mất ngày 25/5/2001) có 05 người con là Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng H, Trần Thị Mộng T, Trần Minh P và không có con riêng, con nuôi khác. Cụ C mất không để lại di chúc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì người thừa kế theo pháp luật của Cụ C có 05 người con nêu trên.

[4] Về di sản thừa kế: Các đương sự Trần Thị Mộng V, Trần Minh T, Trần Thị Mộng T, Trần Minh P có mặt tại phiên tòa và lời khai của bà H tại biên bản ngày 08/3/2021 thống nhất diện tích đất thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 185130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00477 do UBND huyện Thạnh Trị cấp cho hộ bà Văn Thị C ngày 05/9/2006 là tài sản cá nhân của cụ Văn Thị C chết để lại. Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ ngày 11/12/2020 (bl 95, 96) quyền sử dụng đất thửa 37 có diện tích thực đo là 162,6m^2 và 01 căn nhà trên đất của bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, gồm: Nhà trước diện tích 94,6 m^2 (ngang 6,2m x dài 13,6m), kết cấu cột thép hợp, vách tường 10 + tol, máy lợp tol, cửa sắt + nhôm, nền lót gạch Ceramic (không trần). Nhà sau diện tích 38,7 m^2 (ngang 7,4m x dài 5,2m), kết cấu cột bê tông cốt thép, tường 10, máy lợp tol, cửa nhôm + sắt (có trần), nền lót gạch Ceramic. Theo biên bản định giá ngày 05/01/2022 (bl 98, 99), các đương sự thống nhất giá trị tài sản quyền sử dụng đất là 2.200.000.000 đồng, nhà trước 125.000.000 đồng và nhà sau 175.000.000 đồng.

Các đồng thừa kế Vân, Tâm, P, T tại phiên tòa và lời khai bà H tại biên bản ngày 08/3/2021 đều thống nhất chia di sản của cụ Văn Thị C là quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 19, diện tích 111m^2 (diện tích thực đo 162,6m^2), tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng làm 05 kỷ phần và mỗi người được nhận một kỷ phần. Xét thấy, quyền sử dụng đất diện tích nhỏ không đảm bảo diện tích tối thiểu của một thửa đất ở sau khi tách thửa nên không thể chia đều bằng hiện vật cho từng người được nhận, không có người thừa kế đồng ý nhận hiện vật và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Nguyên đơn bà V yêu cầu bán hiện vật để chia giá trị, các bị đơn bà T, ông P và ông Trần Minh T đồng ý ý kiến của bà V bán hiện vật là di sản của cụ Văn Thị C chia giá trị. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của đương sự về việc bán hiện vật chia giá trị. Tuy nhiên, việc bán tài sản chỉ được thực hiện trong giai đoạn thi hành án nên các đồng thừa kế sẽ nhận kỷ phần thừa kế tương ứng giá trị tài sản tại thời điểm bán tài sản.

[5] Đối với tài sản gắn liền quyền sử dụng đất thửa 37 gồm căn nhà trước diện tích 94,6m^2 và nhà sau diện tích 38,7m^2 là của bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P. Các đương sự này đồng ý giao nhà bán chung với di sản của cụ Văn Thị C và yêu cầu thanh toán lại giá trị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Theo các phiếu chi của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị số tiền thực chi là 5.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tương ứng một kỷ phần thừa kế được nhận là 1.000.000 đồng. Nguyên đơn là người nộp tiền tạm ứng, theo quy định tại Điều 158; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì các ông P, bà T, bà H, ông Tâm có nghĩa vụ hoàn trả phần chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá cho bà Trần Thị Mộng V.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các đương sự được nhận thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Giá trị phần tài sản mà các bên được nhận để tính án phí bằng giá trị tài sản mà các bên thống nhất theo biên bản định giá ngày 05/01/2022 là 2.200.000.000 đồng, một kỷ phần tương ứng sẽ là 440.000.000 đồng.

[8] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 167 Luật đất đai. Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mộng V về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 111m^2 (diện tích thực đo 162,6m^2) thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 185130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00477 do UBND huyện Thạnh Trị cấp cho hộ bà Văn Thị C ngày 05/9/2006 là di sản của cụ Văn Thị C.

Đất có tứ cận (sơ đồ thửa đất kèm theo):

+ Hướng đông giáp đất ông Lê Hoàng P có số đo 4,54m + 13,75m + 1,06m + 4,14m + 0,34m.

+ Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng T có số đo 4,26m + 13,6m + 1,48m + 3,66m + 0,34m.

+ Hướng nam giáp đường quốc lộ 1A có số đo 5,9m.

+ Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kim A có số đo 1,8m + 5,6m.

- Khi án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Mộng V, ông Trần Minh T, bà Trần Thị Mộng H, ông Trần Minh P và bà Trần Thị Mộng T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bán hiện vật là quyền sử dụng đất thửa 37 nêu trên và căn nhà gắn liền với đất. Số tiền bán quyền sử dụng đất thửa 37 nêu trên được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau; bà Trần Thị Mộng V, ông Trần Minh T, bà Trần Thị Mộng H, ông Trần Minh P và bà Trần Thị Mộng T mỗi người được nhận một kỷ phần bằng giá trị như nhau.

- Tiền bán tài sản là căn nhà gắn liền với đất thửa 37 nêu trên được giao trả cho bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh P và ông Trần Minh T nhận.

- Giao bà Trần Thị Mộng T được quản lý, sử dụng di sản là quyền sử dụng đất thửa 37, diện tích 162,6 m^2, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian chờ thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng V, ông Trần Minh T, bà Trần Thị Mộng H, bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh P mỗi người phải chịu là 21.600.000 đồng. Bà Trần Thị Mộng V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003304 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nên còn phải nộp là 16.600.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản: Bà Trần Thị Mộng V, ông Trần Minh T, bà Trần Thị Mộng H, bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh P mỗi người phải chịu là 1.000.000 đồng. Số tiền ông Trần Minh T, bà Trần Thị Mộng H, bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Minh P nộp được hoàn trả cho bà Trần Thị Mộng V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp P thẩm giải quyết lại theo thủ tục P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai